

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ - ST
Ngày 14/9/2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Minh Trí

Bà Lê Thị Xuân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký tòa án nhân huyện Nông Cống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1980 (có mặt).

ĐKNKTT: Thôn Y, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn X, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện chị V nộp ngày 26/02/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã C, huyện N ngày 17/7/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, khoảng tháng 02 năm 2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B không quan tâm đến vợ con, không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè về đánh đập chị, có lần chị phải đi điều trị tại bệnh viện. Hai bên gia đình cũng như chính quyền địa phương hòa giải, phân tích nhiều lần nhưng không được. Tháng 12 năm 2016 chị bỏ đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ thời điểm đó đến nay. Hiện chị không có thai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/3/2000; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 23/7/2005, Nguyễn Văn H2, sinh ngày 10/6/2009. Hiện nay cháu H đang ở với chị, cháu H1 và cháu H2 đang ở với anh B. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu H và H1; anh B nuôi cháu H2. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập hàng tháng của chị là 7.000.000đ, đủ điều kiện để nuôi các con ăn học.

Về tài sản, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Thời điểm đăng ký kết hôn cũng như thời điểm phát sinh mâu thuẫn anh thống nhất như chị V đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn anh trình bày như sau: Do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng về quan điểm dẫn đến cãi nhau, có lần anh đã đánh chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không được. Anh cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Anh và chị V sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 12 năm 2016 đến nay, hiện chị V không có thai. Anh xác định tình cảm của anh giành cho chị V vẫn còn nên mong muốn được đoàn tụ, nếu chị V cương quyết xin ly hôn, anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Anh thống nhất về số con chung như chị V đã trình bày. Nguyên vọng của anh xin được nuôi cháu H1 và cháu H2, chị V nuôi cháu H. Anh không yêu cầu chị V cấp dưỡng. Mức thu nhập của anh hàng tháng từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ. Anh cũng xác định với mức thu nhập như vậy không đủ để nuôi 2 con nhưng anh vẫn mong muốn được nuôi hai con.

Về tài sản, nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Đối với anh B, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà anh vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt anh B.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều: 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Xử cho chị V được ly hôn anh B. Giao cháu H và cháu H1 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H2 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên và khả năng lao động. Hai bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh B.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị V và anh Nguyễn Văn B có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Anh, chị chung sống đến tháng 02/2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên uống rượu về đánh đập chị. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vì vậy tháng 12/2016 anh, chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý. Hiện chị V không có thai. Chị V xác định không còn tình cảm với anh B nên xin được ly hôn. Về phía anh B xin được đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị V nhưng nếu chị V cương quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị và anh B có 03 con chung. Ly hôn chị V xin được trực tiếp nuôi cháu H và cháu H1, giao cho anh B trực tiếp nuôi cháu H2. Về phía anh B xin được nuôi cháu H1 và cháu H2, giao cho chị V nuôi cháu H. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng. Yêu cầu xin nuôi con của anh, chị là chính đáng; song cần phải xem xét đến điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như nguyện vọng của các con để giao nuôi con cho phù hợp. Xét về điều kiện thu nhập thực tế thì chị V có mức thu nhập cao hơn anh B. Xét về nguyện vọng của các con đều xin được ở với chị. Tuy nhiên, để anh chị thực hiện quyền và nghĩa vụ của người cha, người mẹ có con chưa thành niên khi ly hôn cần giao cho chị V nuôi 2 cháu, anh B nuôi 1 cháu là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung*: Chị V, anh B không yêu cầu nên không xét.

[5] *Về án phí*: Chị V khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là án phí DSST).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lê Thị V đượ ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. *Về con chung*: Giao cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/3/2000 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 23/7/2005 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H2, sinh ngày 10/6/2009 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Chị V, anh B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung*: Hai bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

4. *Về án phí:* Chị Lê Thị V phải nộp 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006331 ngày 06/3/2017. Chấp nhận chị V đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị V, vắng mặt anh B. Chị V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình

